

Số: 84/2018/QĐST-HNGĐ

Lạng Giang, ngày 12 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 1 điều 28; Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 33; Điều 59; Điều 60 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm d khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự thỏa thuận, hòa giải thành của đương sự ngày 03 tháng 4 năm 2018 về việc các đương sự tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 90/2018/TLST-HNGĐ ngày 16/3/2018.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự thỏa thuận, hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

-**Nguyên đơn:** Chị Lê Thị H, sinh năm: 1989; Địa chỉ: thôn TPN, xã TH, huyện LG, tỉnh Bắc Giang

- **Bị đơn:** Anh Lưu Văn Th, sinh năm: 1982 ; Địa chỉ: thôn TPN, xã TH, huyện LG, tỉnh Bắc Giang

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Vợ chồng ông Lê Bá Ch, sinh năm: 1954 và bà Trần Thị M, sinh năm: 1956 ; Địa chỉ: Thôn TPN, xã TH, huyện LG, tỉnh Bắc Giang

2. Anh Nguyễn Văn Ng, sinh năm: 1977; Địa chỉ: thôn TPN, xã TH, huyện LG, tỉnh Bắc Giang

3. Anh Hoàng Đức N, sinh năm: 1978; Địa chỉ: thôn TPN, xã TH, huyện LG, tỉnh Bắc Giang

4. Anh Phạm Hùng Gi, sinh năm: 1992; Địa chỉ: Thôn TPN, xã TH, huyện LG, tỉnh Bắc Giang

5. Anh Phạm Mạnh L, sinh năm: 1989; Địa chỉ: Thôn TPN, xã TH, huyện LG, tỉnh Bắc Giang

6. Vợ chồng anh Trần Văn L, sinh năm: 1972, chị Lê Thị Ch, sinh năm: 1972; Địa chỉ: thôn TPN, xã TH, huyện LG, tỉnh Bắc Giang

7. Vợ chồng anh Hà Văn O, sinh năm: 1984, chị Lê Thị L, sinh năm: 1986; Địa

chỉ: Xóm Ch, xã TTh, huyện LG, tỉnh BG

8. chị Lưu Thị Vân A, sinh năm: 1984; Địa chỉ: thôn TPN, xã TH, huyện LG, tỉnh Bắc Giang

9. Anh Lưu Văn Th, sinh năm: 1986 ; Địa chỉ: thôn TPN, xã TH, huyện LG, tỉnh Bắc Giang

10. Anh Trần Ngọc Đ, sinh năm: 1982; Địa chỉ: thôn TPN, xã TH, huyện LG, tỉnh Bắc Giang

12. ông Nguyễn Đức T, sinh năm: 1959; Địa chỉ: Thôn VTh, xã TH, huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về tài sản chung: Chị Lê Thị H, anh Lưu Văn Th, ông Lê Bá Ch, bà Trần Thị M thống nhất thỏa thuận:

- Chị Lê Thị H được sở hữu, sử dụng các tài sản gồm: 01 ngôi nhà cấp 4, một tầng, diện tích 70 m² ; 01 nhà bếp; 01 nhà tắm, nhà vệ sinh đều xây dựng năm 2017, trị giá các tài sản này là 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng và 01 téc nước trị giá 500.000 đồng. Tổng trị giá các tài sản chị H được sở hữu, sử dụng là 250.500.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu năm trăm nghìn đồng). Các tài sản này xây dựng trên một phần diện tích đất tại thửa số 426, tờ bản đồ 69 của ông Lê Bá Ch, bà Trần Thị M ở thôn TPN, xã TH, huyện LG, tỉnh Bắc Giang. Chị H được ông Ch, bà M nhất trí cho tiếp tục quản lý, sử dụng các tài sản, công trình xây dựng trên diện tích đất của ông Ch, bà M.

Chị H có nghĩa vụ trích chia cho anh Th về tài sản là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Nhưng do anh Th cho con chung là Lưu Thanh H (hiện chị H nuôi dưỡng) số tiền 20.000.000 đồng, nên chị H còn phải trích chia cho anh Th số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng).

- Anh Lưu Văn Th được sở hữu, sử dụng các tài sản chung hiện anh đang quản lý gồm: 01 máy phụt lúa trị giá 5.000.000 đồng; 01 Máy đầm nền trị giá 5.000.000 đồng; 01 máy cắt bê tông trị giá 2.000.000 đồng; 01 máy đục bê tông trị giá 500.000 đồng; 01 tủ lạnh trị giá 2.000.000 đồng; 01 bình nóng lạnh trị giá 1.000.000 đồng. Tổng trị giá các tài sản anh Th sở hữu, sử dụng là 15.500.000 đồng (Mười năm triệu năm trăm nghìn đồng).

Anh Th được nhận số tiền 80.000.000 đồng do chị H trích chia.

Xác nhận chị Lê Thị H đã giao cho anh Lưu Văn Th số tiền 80.000.000 đồng vào ngày 05/4/2018 (có biên bản giao nhận tiền giữa các bên).

- Về nghĩa vụ chung về tài sản:

Đối với các khoản vay nợ chung của vợ chồng trong quá trình làm nhà, giữa nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thống nhất tự giải quyết, không ai yêu cầu giải quyết trong vụ án, do đó Tòa án không giải quyết trong vụ án này.

Đối với các khoản nợ riêng anh Th không yêu cầu xem xét, giải quyết.

* Về án phí: Chị H, anh Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả chị Lê Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.300.000 đồng (bảy triệu ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0004367 ngày 16/3/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- Chi cục THADS huyện Lạng Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hằng